

Số: 460 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường
~~khí~~ nhà nước thu hồi đất thực hiện 23 công trình, dự án
trong năm 2021 trên địa bàn huyện Phong Điền

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất và Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đính chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT;

Căn cứ Nghị quyết số 162//2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 67/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh áp dụng trong thời gian 5 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 67/2020/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 áp dụng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 kèm báo cáo thẩm định số 437/BC-HĐTĐGD ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng Thẩm định giá đất.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện 23 công trình, dự án trong năm 2021 trên địa bàn huyện Phong Điền như sau:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Hệ số điều chỉnh giá đất đề nghị thẩm định	
			Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp
1	Đường Cam Lộ - La Sơn	Các Phong Mỹ, Phong Xuân, Phong Sơn	1,10	1,00
2	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lộ - La Sơn (thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế) Điều chỉnh vị trí, diện tích tại xã Phong Xuân: 4,57 ha	Các Phong Mỹ, Phong Xuân, Phong Sơn	1,10	1,00
3	Xây dựng dự án ĐZ 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi (phần bổ sung)	Các Phong Mỹ, Phong Xuân, Phong Sơn	1,10	1,00
4	Mở rộng đường tỉnh lộ 9 qua thị trấn Phong Điền đoạn từ quốc lộ 1A đi nhà máy xi măng Đồng Lâm	Thị trấn Phong Điền	Không có	1,00
5	Đường trục chính Trung tâm thị trấn Phong Điền (đã thực hiện 2,84ha)	Thị trấn Phong Điền, Xã Phong An	1. Thị trấn Phong Điền: + Đường phố loại 1,2: 1,20; + Đường phố loại 3,4 và còn lại: 1,15. 2. Khu vực nông thôn: Xã Phong An (khu vực còn lại): 1,10	1,00
6	Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phong Điền - Viglacera (Giai đoạn 2 - Đợt 2)	Xã Phong Hòa	Không có	1,00

7	Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phong Điền - Viglacera (Giai đoạn 3 - Đợt 1 và Đợt 2)	Thị trấn Phong Điền, xã Phong Hòa	Không có	1,00
8	Đường dây 110KV và móng trụ Nhà máy điện mặt trời Phong Điền 2	Xã Phong Hòa, Xã Phong Chương, Xã Phong Thu, Xã Phong Hiền	+ Các xã Phong Hòa, Phong Chương, Phong Thu, Phong Hiền: 1,10 + Tuyến Quốc lộ 1A qua các xã: Phong An, Phong Hiền: 1,20.	1,00
9	Tiêu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ (KfW3.1)	Huyện Phong Điền	1. Thị trấn Phong Điền: Đường phố loại 1,2: 1,20; Đường phố loại 3,4 và còn lại: 1,15. 2. Khu vực nông thôn: + Các xã Phong An, Phong Hiền, Điện Lộ: Tuyến Tỉnh lộ 11A, Tỉnh lộ 11B, Tỉnh lộ 11C, đường tránh chợ An Lỗ đi Tỉnh lộ 11C, Quốc lộ 49B: 1,15; + Khu vực còn lại của xã Phong An, Phong Hiền, Điện Lộ và các xã còn lại: 1,10. 3. Tuyến Quốc lộ 1A qua các xã: Phong An, Phong Hiền, Phong Thu: 1,20.	1,00
10	Đường vào nhà máy chế biến bột cát thạch anh ít sắt chất lượng cao huyện Phong Điền	Xã Phong An, Xã Phong Hiền	+ Xã Phong Hiền: Tuyến Tỉnh lộ 11A, Tỉnh lộ 11B, Tỉnh lộ 11C, đường tránh chợ An Lỗ đi Tỉnh lộ 11C: 1,15; + Khu vực còn lại của các xã Phong An, Phong Hiền: 1,10; + Tuyến Quốc lộ 1A qua các xã: Phong An, Phong Hiền: 1,20.	1,00



11	Công trình điện chiếu sáng, vỉa hè, thoát nước đường Tỉnh lộ 6	Thị trấn Phong Điền	+ Đường phố loại 1,2: 1,2; + Đường phố loại 3,4 và còn lại: 1,15.	1,00
12	Chỉnh trang khu dân cư Bò Điền	Xã Phong An	+ Tuyến Tỉnh lộ 11B, đường tránh chợ An Lỗ đi Tỉnh lộ 11C: 1,15; + Khu vực còn lại: 1,10; + Tuyến Quốc lộ 1A: 1,20.	1,00
13	Đường cứu hộ, cứu nạn thị trấn Phong Điền - Điền Lộc	Thị trấn Phong Điền, xã Điền Lộc, xã Phong Chương	+ Đường phố loại 1,2: 1,2; + Đường phố loại 3,4 và còn lại : 1,15. + Xã Điền Lộc: Quốc lộ 49B: 1,15. + Khu vực còn lại của xã Điền Lộc và các xã còn lại: 1,10.	1,00
14	Khu dân cư kết hợp dịch vụ thương mại xã Phong Hiền (Giai đoạn 2)	Xã Phong Hiền	Không có	1,00
15	Nâng cấp, sửa chữa đập Khe Mang và hệ thống kênh thuộc địa bàn thị trấn (Sửa chữa, nâng cấp đập Khe Mang, thị trấn Phong Điền) (Giai đoạn 1 - Đoạn qua thị trấn Phong Điền)	Thị trấn Phong Điền	+ Đường phố loại 1,2: 1,20; + Đường phố loại 3,4 và còn lại: 1,15.	1,00
16	Nhà lưu niệm Nguyễn Lộ Trạch	Xã Điền Môn	1,10	1,00
17	Hạ tầng Khu dân cư xen ghép Tân Bình	Xã Phong Bình	Không có	1,00
18	Khu dân cư thôn Giáp Nam (Cạnh cây xăng Điền Lộc)	Xã Điền Lộc	+ Quốc lộ 49B: 1,15; + Khu vực còn lại: 1,10.	1,00
19	Khu dân cư xứ Ma Đa - thôn Bò Điền	Xã Phong An	Không có	1,00

20	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Làng Cổ Phước Tích	Xã Phong Hòa	1,10	1,00
21	Nạo vét hồi phục vụ du lịch làng cổ Phước Tích	Xã Phong Hòa	Không có	1,00
22	Hạ tầng thượng nguồn sông Ô Lâu	Xã Phong Mỹ	Không có	1,00
23	Gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh – Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh (Hạng mục Ga Hiền Sỹ, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế)	Xã Phong An	+ Tuyến Tỉnh lộ 11B, đường tránh chợ An Lỗ đi Tỉnh lộ 11C: 1,15; + Khu vực còn lại: 1,10; + Tuyến Quốc lộ 1A: 1,20.	1,00

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có đất bị ảnh hưởng bởi các công trình, dự án tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, ND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương